UBND TỈNH ĐỒNG THÁP **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4018 /SYT-NVD V/v đính chính thông tin thuốc trúng thầu giai đoạn 2023-2025	*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 9 năm 2023*

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc;
- Bệnh viện Quân Dân y;
- Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ Cán bộ;
- Bệnh xá Công an Tỉnh;
- Bệnh viện tư nhân.

(*gọi chung là đơn vị*)

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 965/QĐ-SYT ngày 31/7/2023 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua thuốc Generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu.

Qua kiểm tra, đối chiếu các tài liệu liên quan, nay Sở Y tế đính chính thông tin các thuốc trúng thầu giai đoạn 2023-2025 theo *Phụ lục đính kèm*.

Ngoài nội dung nêu trên, các nội dung khác đã được Sở Y tế công bố trúng thầu tại Quyết định số 965/QĐ-SYT ngày 31/7/2023 không thay đổi./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc và PGĐ Sở (để b/c);
- BHXH tỉnh (để p/h);
- Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi;
- Công ty TNHH TM Dược phẩm An Pha;
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;
- Công ty TNHH Dược Hồng Lộc Phát;
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Merap;
- Trang web Sở;
- Lưu: VT, NVD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG THÁP

Lâm Thị Ngọc Kim

Phụ lục

(*Kèm theo Công văn số:* 4018 */SYT-NVD ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Sở Y tế Đồng Tháp*)

Stt	MSMH	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	ĐVT	SĐK/ GPNK	Thông tin trúng thầu	Thông tin sau đính chính
1	N2621.265	Tenofovir (TDF)	300mg	Uống	Viên	VD-35348-21	Dạng bào chế: Viên nén bao phim	Dạng bào chế: Viên nén **dài** bao phim
2	N4173.61	Paracetamol + methocarbamol	500mg + 400mg	Uống	Viên	VD-27064-17	Tên thuốc: **PAROCONTIN** F	Tên thuốc: **Parocontin** F
3	N41832.1026	Vitamin D3	400 IU/0,4ml	Uống	Chai	VD-24822-16	Tên thuốc: **BABI** B.O.N	Tên thuốc: **Babi** B.O.N
4	N477.39	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên	VD-29649-18	Tên thuốc: **AGIETOXIB** 90	Tên thuốc: **Agietoxib** 90
5	N484.43	Ibuprofen	200mg	Uống	Viên	VD-32777-19	Tên thuốc: **AGIROFEN** 200	Tên thuốc: **Agirofen** 200
6	N4133.56	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Uống	Gói	VD-22790-15	Tên thuốc: **AGIMOL** 150	Tên thuốc: **Agimol** 150
7	N4168.60	Paracetamol + ibuprofen	325mg + 200mg	Uống	Viên	VD-29658-18	Tên thuốc: **AGIPAROFEN**	Tên thuốc: **Agiparofen**
8	N4195.79	Diacerein	50mg	Uống	Viên	VD-33143-19	Tên thuốc: **AGDICERIN**	Tên thuốc: **Agdicerin**
9	N4227.104	Ebastin	10mg	Uống	Viên	VD-27752-17	Tên thuốc: **BASTINFAST** 10	Tên thuốc: **Bastinfast** 10
10	N4289.149	Gabapentin	300mg	Uống	Viên	VD-27758-17	Tên thuốc: **GAPTINEW**	Tên thuốc: **Gaptinew**
11	N4295.151	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên	VD-34647-20	Tên thuốc: **ZOKICETAM** 500	Tên thuốc: **Zokicetam** 500

Stt	MSMH	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	ĐVT	SĐK/ GPNK	Thông tin trúng thầu	Thông tin sau đính chính
12	N3538.225	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên	VD-33368-19	Tên thuốc: **AGICLARI** 500	Tên thuốc: **Agiclari** 500
13	N4545.228	Spiramycin	3000000 IU	Uống	Viên	VD-22800-15	Tên thuốc: **ROVAGI** 3	Tên thuốc: **Rovagi** 3
14	N4619.261	Lamivudin	100mg	Uống	Viên	VD-30272-18	Tên thuốc: **AGIMIDIN**	Tên thuốc: **Agimidin**
15	N4623.265	Tenofovir (TDF)	300mg	Uống	Viên	VD-18925-13	Tên thuốc: **AGIFOVIR**	Tên thuốc: **Agifovir**
16	N4632.277	Aciclovir	200mg	Uống	Viên	VD-25603-16	Tên thuốc: **AGICLOVIR** 200	Tên thuốc: **Agiclovir** 200
17	N4635.277	Aciclovir	400mg	Uống	Viên	VD-33369-19	Tên thuốc: **AGICLOVIR** 400	Tên thuốc: **Agiclovir** 400
18	N4719.447	Cilostazol	50mg	Uống	Viên	VD-31569-19	Tên thuốc: **CRYBOTAS** 50	Tên thuốc: **Crybotas** 50
19	N4803.503	Atenolol	50mg	Uống	Viên	VD-24704-16	Tên thuốc: **AGINOLOL** 50	Tên thuốc: **Aginolol** 50
20	N4830.515	Enalapril	5mg	Uống	Viên	VD-31563-19	Tên thuốc: **AGINARIL®5**	Tên thuốc: **Aginaril®5**
21	N4844.520	Imidapril	5mg	Uống	Viên	VD-14668-11	Tên thuốc: **IMIDAGI** 5	Tên thuốc: **Imidagi** 5
22	N4851.522	Irbesartan	150mg	Uống	Viên	VD-23489-15	Tên thuốc: **IHYBES** 150	Tên thuốc: **Ihybes** 150
23	N4853.522	Irbesartan	300mg	Uống	Viên	VD-25125-16	Tên thuốc: **IHYBES** 300	Tên thuốc: **Ihybes** 300
24	N4856.523	Irbesartan + hydroclorothiazid	150mg + 12,5mg	Uống	Viên	VD-25611-16	Tên thuốc: **IHYBES-H** 150	Tên thuốc: **Ihybes-H** 150

Stt	MSMH	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	ĐVT	SĐK/ GPNK	Thông tin trúng thầu	Thông tin sau đính chính
25	N4863.526	Lisinopril	10mg	Uống	Viên	VD-26721-17	Tên thuốc: **AGIMLISIN** 10	Tên thuốc: **Agimlisin** 10
26	N4868.526	Lisinopril	5mg	Uống	Viên	VD-25118-16	Tên thuốc: **AGIMLISIN** 5	Tên thuốc: **Agimlisin** 5
27	N4880.529	Losartan + hydroclorothiazid	50mg + 12,5mg	Uống	Viên	VD-29653-18	Tên thuốc: **AGILOSART-H** 50/12,5	Tên thuốc: **Agilosart-H** 50/12,5
28	N4890.532	Nebivolol	5mg	Uống	Viên	VD-27760-17	Tên thuốc: **NICARLOL** 5	Tên thuốc: **Nicarlol** 5
29	N4928.541	Telmisartan	40mg	Uống	Viên	VD-27746-17	Tên thuốc: **AGIMSTAN**	Tên thuốc: **Agimstan**
30	N4930.541	Telmisartan	80mg	Uống	Viên	VD-30273-18	Tên thuốc: **AGIMSTAN** 80	Tên thuốc: **Agimstan** 80
31	N4936.543	Valsartan	160mg	Uống	Viên	VD-23494-15	Tên thuốc: **VALSGIM** 160	Tên thuốc: **Valsgim** 160
32	N4944.544	Valsartan + hydroclorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên	VD-23496-15	Tên thuốc: **VALSGIM-H** 80	Tên thuốc: **Valsgim-H** 80
33	N4992.571	Fenofibrat	160mg	Uống	Viên	VD-29662-18	Tên thuốc: **LIPAGIM** 160	Tên thuốc: **Lipagim** 160
34	N41005.576	Rosuvastatin	10mg	Uống	Viên	VD-28823-18	Tên thuốc: **AGIROVASTIN** 10	Tên thuốc: **Agirovastin** 10
35	N41006.576	Rosuvastatin	20mg	Uống	Viên	VD-19837-13	Tên thuốc: **ROTINVAST** 20	Tên thuốc: **Rotinvast** 20
36	N41028.603	Clobetasol propionat	0,05%, 10g	Dùng ngoài	Tuýp	VD-19833-13	Tên thuốc: **ß-SOL**	Tên thuốc: **ß- Sol**
37	N41073.657	Povidon iodin	10%, dung tích 125ml	Dùng ngoài	Chai	VD-17882-12	Tên thuốc: **POVIDONE**	Tên thuốc: **Povidone**

Stt	MSMH	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	ĐVT	SĐK/ GPNK	Thông tin trúng thầu	Thông tin sau đính chính
38	N41075.657	Povidon iodin	10%, dung tích 20ml	Dùng ngoài	Chai	VD-17882-12	Tên thuốc: **POVIDONE**	Tên thuốc: **Povidone**
39	N41077.657	Povidon iodin	10%, dung tích 90ml	Dùng ngoài	Chai	VD-17882-12	Tên thuốc: **POVIDONE**	Tên thuốc: **Povidone**
40	N41155.681	Rebamipid	100mg	Uống	Viên	VD-27748-17	Tên thuốc: **AGIREMID** 100	Tên thuốc: **Agiremid** 100
41	N41242.717	Kẽm gluconat	70mg	Uống	Viên	VD-22801-15	Tên thuốc: **ZINC** 10	Tên thuốc: **Zinc** 10
42	N41290.736	Trimebutin maleat	100mg	Uống	Viên	VD-31062-18	Tên thuốc: **AGITRITINE** 100	Tên thuốc: **Agitritine** 100
43	N41291.736	Trimebutin maleat	200mg	Uống	Viên	VD-13753-11	Tên thuốc: **AGITRITINE** 200	Tên thuốc: **Agitritine** 200
44	N41363.776	Glimepirid	2mg	Uống	Viên	VD-25124-16	Tên thuốc: **GLIMEGIM** 2	Tên thuốc: **Glimegim** 2
45	N41403.789	Repaglinid	1mg	Uống	Viên	VD-33378-19	Tên thuốc: **DIMOBAS** 1	Tên thuốc: **Dimobas** 1
46	N41538.902	Amisulprid	100mg	Uống	Viên	VD-31565-19	Tên thuốc: **AMRIAMID** 100	Tên thuốc: **Amriamid** 100
47	N41548.913	Olanzapin	10mg	Uống	Viên	VD-25615-16	Tên thuốc: **OLANGIM**	Tên thuốc: **Olangim**
48	N41560.924	Fluoxetin	20mg	Uống	Viên	VD-22797-15	Tên thuốc: **LUGTILS**	Tên thuốc: **Lugtils**
49	N41562.927	Mirtazapin	30mg	Uống	Viên	VD-35296-21	Tên thuốc: **ITAZPAM** 30	Tên thuốc: **Itazpam** 30
50	N41608.945	Bambuterol	10mg	Uống	Viên	VD-24113-16	Tên thuốc: **BABUROL**	Tên thuốc: **Baburol**
51	N41694.970	N-acetylcystein	200mg	Uống	Viên	VD-25112-16	Tên thuốc: **ACECYST**	Tên thuốc: **Acecyst**

Stt	MSMH	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	ĐVT	SĐK/ GPNK	Thông tin trúng thầu	Thông tin sau đính chính
52	N41802.1014	Vitamin A	5000 IU	Uống	Viên	VD-14666-11	Tên thuốc: **AGIRENYL**	Tên thuốc: **Agirenyl**
53	N41805.1016	Vitamin B1	250mg	Uống	Viên	VD-25609-16	Tên thuốc: **AGIVITAMIN** B1	Tên thuốc: **Agivitamin** B1
54	N41811.1017	Vitamin B1 + B6 + B12	125mg + 125mg + 125mcg	Uống	Viên	VD-23485-15	Tên thuốc: **AGI-NEURIN**	Tên thuốc: **Agi- neurin**
55	N1252.112	Promethazin hydroclorid	50mg, dung tích 2ml	Tiêm	Ống	VN-19640-16	Tên thuốc: **PIPOLPHEN**	Tên thuốc: **Pipolphen**
56	N1521.220	Metronidazol + neomycin + nystatin	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Đặt âm đạo	Viên	VN-18967-15	Tên thuốc: **NEO-TERGYNAN**	Tên thuốc: **Neo-Tergynan**
57	N1629.275	Sofosbuvir + velpatasvir	400mg + 100mg	Uống	Viên	VN3-83-18	Tên thuốc: **EPCLUSA**	Tên thuốc: **Epclusa**
58	N1650.292	Fenticonazol nitrat	200mg	Đặt âm đạo	Viên	VN-20873-17	Tên thuốc: **LOMEXIN**	Tên thuốc: **Lomexin**
59	N1760.483	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	0,08g /10g	Phun mù	Lọ	VN-20270-17	Tên thuốc: **NITROMINT**	Tên thuốc: **Nitromint**
60	N1860.525	Lercanidipin hydroclorid	10mg	Uống	Viên	VN-18798-15	Tên thuốc: **ZANEDIP** 10mg	Tên thuốc: **Zanedip** 10mg
61	N21233.713	Dioctahedral smectit	3g, dung tích 20ml	Uống	Gói	VN-18887-15	Tên thuốc: **GRAFORT**	Tên thuốc: **Grafort**
62	N11254.723	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	14mg + 300mg + 300mg	Uống	Viên	VN-16802-13	Tên thuốc: **GINKOR FORT**	Tên thuốc: **Ginkor Fort**
63	N11411.797	Levothyroxin (muối natri)	100mcg	Uống	Viên	VN-10763-10	Tên thuốc: **BERLTHYROX** 100	Tên thuốc: **Berlthyrox** 100
64	N11555.918	Tofisopam	50mg	Uống	Viên	VN-15893-12	Tên thuốc: **GRANDAXIN**	Tên thuốc: **Grandaxin**
65	N11571.931	Venlafaxin	75mg	Uống	Viên	VN-21018-18	Tên thuốc: **VELAXIN**	Tên thuốc: **Velaxin**

Stt	MSMH	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	ĐVT	SĐK/ GPNK	Thông tin trúng thầu	Thông tin sau đính chính
66	N11683.965	Codein camphosulphonat + sulfogaiacol + cao mềm grindelia	25mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên	VN-18966-15	Tên thuốc: **NEO-CODION**	Tên thuốc: **Neo-Codion**
67	N4510.217	Tobramycin + dexamethason	(15mg + 5mg)/5ml, dung tích 7ml	Nhỏ mắt	Lọ	VD-23881-15	Tên thuốc: Metodex **sps**	Tên thuốc: Metodex **SPS**